

Số: /SGDDT-KTQLCL  
V/v hướng dẫn tuyển sinh vào lớp 1,  
lớp 6 và lớp 10 năm học 2023-2024

Long An, ngày tháng 5 năm 2023

Kính gửi:

- Trưởng phòng GD&ĐT các huyện, thị xã, thành phố;
- Hiệu trưởng các trường phổ thông trực thuộc Sở;
- Giám đốc Trung tâm GDTX&KTTH.

Căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT ngày 14/4/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở (THCS) và tuyển sinh trung học phổ thông (THPT); Thông tư số 05/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ GD&ĐT về việc sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 2, Khoản 2 Điều 4, điểm d Khoản 1 và đoạn đầu Khoản 2 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông ban hành theo Thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT ngày 14/4/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (gọi chung là Quy chế tuyển sinh);

Căn cứ Quyết định số 2090/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Phương án tuyển sinh vào các lớp đầu cấp các trường phổ thông năm học 2023-2024; Quyết định số 2096/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch tuyển sinh vào lớp 10 Trường THPT chuyên Long An năm học 2023-2024;

Căn cứ Quyết định số 246/QĐ-SGDĐT ngày 13/4/2018 của Sở GD&ĐT Long An về việc Ban hành Quy định tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông (Quy định tuyển sinh);

Thực hiện Phương án số 735/PA-SGDĐT ngày 13/3/2023 của Sở GD&ĐT về việc tuyển sinh vào các lớp đầu cấp các trường phổ thông năm học 2023-2024 (Phương án tuyển sinh). Sở GD&ĐT hướng dẫn công tác tuyển sinh vào lớp 1, lớp 6, lớp 10 năm học 2023-2024 như sau:

### **I. Nguyên tắc chung**

Thực hiện theo Phương án tuyển sinh của Sở GD&ĐT về việc tuyển sinh vào các lớp đầu cấp các trường phổ thông năm học 2023-2024.

### **II. Xét tuyển vào lớp 1**

Thực hiện theo Phương án tuyển sinh của Sở GD&ĐT về việc tuyển sinh vào các lớp đầu cấp các trường phổ thông năm học 2023-2024.

### **III. Xét tuyển vào lớp 6**

- Phòng GD&ĐT lập kế hoạch và chỉ tiêu tuyển sinh từng trường trình UBND huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là huyện) theo quy định tại Quyết định số 246/QĐ-SGDĐT ngày 13/4/2018 của Sở GD&ĐT Long An về việc Ban hành Quy định tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông.

- Số lượng ủy viên, bảo vệ, phục vụ của Hội đồng tuyển sinh do trường phòng GD&ĐT quyết định.

- Số ngày làm việc được quy định như sau: hội đồng có dưới 100 học sinh số ngày làm việc là 3 ngày, có từ 100 đến dưới 200 học sinh số ngày làm việc là 4 ngày, có từ 200 đến dưới 300 học sinh số ngày làm việc là 5 ngày, có từ 300 học sinh trở lên số ngày làm việc là 6 ngày.

#### **IV. Tuyển sinh vào lớp 10 các trường phổ thông công lập**

Tổ chức tuyển sinh vào lớp 10 THPT hệ công lập thực hiện theo phương thức thi tuyển theo địa bàn nơi có trường THPT, THCS&THPT.

##### **1. Thi tuyển**

##### **1.1. Quy định chung**

- Văn bản hướng dẫn này áp dụng chung cho Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 các trường công lập và Trường THPT chuyên Long An.

- Tuyển sinh vào lớp 10 hệ công lập thực hiện phương thức **thi tuyển** theo địa bàn nơi có đặt trường THPT, THCS&THPT và TH,THCS&THPT (gọi chung là trường THPT).

- Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 các trường công lập và Trường THPT chuyên Long An được tổ chức vào ngày **07, 08/6/2023** (*Kế hoạch thời gian theo Phụ lục I đính kèm*); các trường tổ chức thi tuyển, cụm thi tuyển, nguyện vọng và phân công cụm trường *theo Phụ lục II đính kèm*.

- Tất cả các trường THPT trong tỉnh tuyển sinh vào lớp 10 lần lượt hệ THPT, hệ GDTX (Sở GD&ĐT ban hành quyết định giao chỉ tiêu cụ thể cho từng trường). Thí sinh không trúng tuyển vào lớp 10 hệ THPT, hệ GDTX tại các trường công lập có thể đăng ký học tại các trường tư thục, trung tâm GDTX&KTTH hoặc học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Sau khi học sinh trúng tuyển vào lớp 10, hiệu trưởng các trường công lập, tư thục thực hiện công tác tư vấn cho học sinh và phụ huynh học sinh về lựa chọn tổ hợp môn học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 của trường để xếp lớp sao cho phù hợp nguyện vọng, năng lực của học sinh và khả năng giảng dạy của trường.

- Đối với các trường có tuyển sinh lớp chất lượng cao (gọi chung là các trường chất lượng cao): THPT Lê Quý Đôn (thành phố Tân An), THPT Hậu Nghĩa (huyện Đức Hòa), THPT Thiên Hộ Dương (thị xã Kiến Tường), THPT Cần Đước (huyện Cần Đước) và THPT Nguyễn Trung Trực (huyện Bến Lức)

có kế hoạch tuyển sinh riêng, trong đó học sinh muốn học lớp chất lượng cao phải nộp thêm 01 bộ hồ sơ (*bản chính tại các trường chất lượng cao; bản sao tại trường đăng ký nguyện vọng 1*) và dự thi tuyển sinh vào lớp 10 tại các trường chất lượng cao đã đăng ký.

## 1.2. Đối tượng và hồ sơ dự tuyển vào lớp 10

- Đối tượng dự tuyển: được quy định tại khoản 1, Điều 5 của Quy chế tuyển sinh và Quy định tuyển sinh của Sở GD&ĐT.

- Hồ sơ dự tuyển được quy định tại Điều 6 Quy chế tuyển sinh, cụ thể:

+ Bản sao giấy khai sinh.

+ Bảng TN THCS, riêng học sinh lớp 9 năm dự tuyển sẽ bổ sung giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời do hiệu trưởng trường thí sinh dự thi cấp khi đăng ký nhập học.

+ Học bạ cấp THCS bản chính.

+ Giấy xác nhận đối tượng ưu tiên do cơ quan có thẩm quyền cấp.

+ Đơn xin dự tuyển theo hướng dẫn của Sở GD&ĐT.

+ 01 ảnh 3<sup>cm</sup>x4<sup>cm</sup> dùng để dán vào đơn xin dự thi (Phụ lục IX).

### \* Lưu ý:

+ Đối với tuyển sinh lớp 10 công lập, học sinh không có nơi thường trú tại tỉnh Long An thì phải có tạm trú trên địa bàn tỉnh Long An với thời gian ít nhất là 1 năm tính đến thời điểm tuyển sinh (Việc xác định thời gian tạm trú của thí sinh thực hiện theo Công văn số 1098/SGDĐT-HCQT ngày 04/4/2023 của Sở GD&ĐT về việc thực hiện quy định liên quan đến bỏ Sổ hộ khẩu và Sổ tạm trú giấy).

+ Học sinh vừa thi tuyển vào lớp 10 Trường THPT chuyên Long An vừa thi tuyển vào lớp 10 trường THPT công lập **phải tham gia kỳ thi tại Trường THPT chuyên Long An** vào ngày **07, 08/6/2023** và phải lập hai bộ hồ sơ theo quy định; hồ sơ dự tuyển lớp 10 Trường THPT chuyên Long An bản chính và hồ sơ dự tuyển trường THPT công lập bản sao. Sau khi có kết quả tuyển sinh:

- Nếu thí sinh trúng tuyển vào lớp 10 Trường THPT chuyên Long An thì phải theo học tại Trường THPT chuyên Long An.

- Nếu thí sinh không trúng tuyển vào lớp 10 Trường THPT chuyên Long An hoặc các trường chất lượng cao thì được xét điểm tuyển sinh vào lớp 10 công lập: **Lấy điểm 03 môn Toán, Ngữ văn và Tiếng Anh không chuyên (môn chung) để xét tuyển sinh vào trường công lập đã đăng ký.**

+ Kết quả thi tuyển sinh vào lớp 10 trường THPT công lập hoặc các trường THPT năng khiếu, THPT chuyên các tỉnh khác không được tính cho Kỳ thi tuyển sinh lớp 10 công lập tại tỉnh Long An.

+ Những học sinh thuộc vùng ven của cả 2 huyện thì chỉ được nộp đơn thi tuyển tại một huyện và chọn nguyện vọng theo các trường trong huyện đó theo *Phụ lục II*.

+ Các giấy tờ chứng minh diện chính sách ưu tiên nêu tại **Điều 4 của Quy định tuyển sinh** được xem là hợp lệ: đối tượng 1, 2 do Sở, Phòng LĐ-TB&XH cấp. Đối tượng 3 “*Người có cha hoặc mẹ là người dân tộc thiểu số*” và “*Người học đang sinh sống, học tập ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn*”: do UBND xã nơi đang cư trú và học tập xác nhận. Đối tượng 3 “*người dân tộc thiểu số*”: căn cứ trong giấy khai sinh, phân dân tộc.

+ Các trường hợp tuyển thẳng phải có đủ hồ sơ minh chứng và báo cáo về Sở GD&ĐT (Phòng KT&QLCLGD) trước khi thi 10 ngày.

### **1.3. Trách nhiệm lập hồ sơ và tổ chức thi**

- Hiệu trưởng trường có học sinh dự thi: có trách nhiệm lập danh sách, hồ sơ đăng ký dự thi của học sinh theo từng trường tuyển sinh 10, đồng thời chuyển danh sách, hồ sơ này về trường tuyển sinh và báo cáo số liệu tuyển sinh về phòng GD&ĐT.

- Trường THPT chịu trách nhiệm thực hiện công tác coi thi, chấm thi và tuyển sinh theo đúng quy định.

- Hiệu trưởng trường có cấp THPT được phân công làm cụm trường chịu trách nhiệm báo cáo số liệu thí sinh đăng ký dự thi chính thức của cụm thi (*Phụ lục III*) và từng điểm thi trong cụm (*Phụ lục IV*) được xuất ra từ chương trình nhập dữ liệu tuyển sinh để Sở GD&ĐT in sao đề thi cho các điểm thi.

- Giao Hiệu trưởng Trường THPT Nguyễn Hữu Thọ thực hiện công tác tuyển sinh vào lớp 10 cho Trường THPT Nguyễn Trung Trực, huyện Bến Lức.

### **1.4. Lập phương án tuyển sinh**

- Mỗi huyện có các trường thi tuyển chỉ lập một hội đồng thi tuyển sinh 10 cho toàn huyện (hội đồng thi có: Ban thư ký, Ban coi thi, Ban làm phách, Ban chấm thi, Ban phúc khảo); Sở GD&ĐT chịu trách nhiệm về việc ra đề thi, vận chuyển và bàn giao đề thi cho các điểm thi.

- Sở GD&ĐT quy định các trường THPT làm cụm trường (*Phụ lục II*). Hiệu trưởng trường THPT được phân công cụm trường làm chủ tịch hội đồng thi (trường hợp đặc biệt nếu thay đổi phải có ý kiến của Giám đốc Sở). Căn cứ số lượng hồ sơ đăng ký dự thi, trường được phân công cụm trường chủ động phối hợp với các trường trên địa bàn huyện thành lập các điểm thi và các ban của hội đồng thi.

- Hiệu trưởng trường THPT được phân công làm cụm trường lựa chọn địa điểm tổ chức chấm thi, bố trí số lượng cán bộ chấm thi đảm bảo kế hoạch thời gian và tiến độ chấm. Cán bộ chấm thi ở mỗi môn phải có giáo viên cấp

THPT và giáo viên cấp THCS tỉ lệ tương đương nhau, đối với giáo viên cấp THCS phải là các giáo viên đã hoặc đang dạy lớp 9 (hiệu trưởng trường THPT phối hợp với Phòng GD&ĐT chọn cử giáo viên THCS).

- Hiệu trưởng trường THPT được phân công làm cụm trưởng phối hợp với các trường chất lượng cao và Trường THPT chuyên Long An để nhận dữ liệu và hồ sơ bản chính (đối với thí sinh không trúng tuyển vào lớp 10 Trường THPT chuyên Long An và nguyện vọng chất lượng cao) để xét điểm tuyển sinh vào lớp 10 trường THPT công lập (nguyện vọng theo đơn đăng ký của thí sinh).

- Trường THPT chuyên Long An chịu trách nhiệm tham mưu cử nhân sự tham gia hội đồng coi, chấm thi vào lớp 10 Trường THPT chuyên Long An và chuyển cho Phòng KT&QLCLGD để tham mưu và trình lãnh đạo Sở GD&ĐT ban hành quyết định.

*\* Lưu ý: Công tác tổ chức Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 vận dụng theo quy định tương ứng của Quy chế thi tốt nghiệp THPT hiện hành.*

### **1.5. Hội đồng tuyển sinh**

- Mỗi trường phổ thông trực thuộc Sở, thành lập hội đồng tuyển sinh vào lớp 10 trình Sở GD&ĐT ban hành quyết định (thành phần hội đồng quy định tại **Điều 5 của Quy định tuyển sinh**).

- Hội đồng tuyển sinh có nhiệm vụ như sau:

+ Kiểm tra hồ sơ tuyển sinh;

+ Căn cứ chỉ tiêu được giao và điểm thi tuyển, lấy từ điểm cao xuống cho đến đủ chỉ tiêu;

+ Lập biên bản và danh sách học sinh trúng tuyển. Biên bản, danh sách học sinh trúng tuyển phải có đủ họ tên, chữ ký của tất cả thành viên và chủ tịch hội đồng;

+ Lập danh sách thí sinh trúng tuyển cả hai hệ THPT, GDTX (mỗi hệ riêng một danh sách) trình Sở GD&ĐT phê duyệt.

- Số lượng ủy viên và số ngày làm việc của hội đồng như sau:

+ Hội đồng có dưới 400 học sinh: 4 ủy viên, số ngày làm việc là 5 ngày.

+ Hội đồng có từ 400 đến dưới 600 học sinh: 5 ủy viên, số ngày làm việc là 6 ngày.

+ Hội đồng có từ 600 đến dưới 800 học sinh: 5 ủy viên, số ngày làm việc là 7 ngày.

+ Hội đồng có từ 800 học sinh trở lên: 6 ủy viên, số ngày làm việc là 7 ngày.

### **1.6. Công tác tuyên truyền về tuyển sinh**

- Lãnh đạo các trường THCS có thí sinh thi tuyển sinh 10, tập huấn trực tiếp cho giáo viên chủ nhiệm lớp 9 để hướng dẫn cụ thể cho học sinh và phụ

huynh học sinh đăng ký đúng nguyện vọng, đảm bảo thí sinh ghi chính xác nguyện vọng trong đơn (tránh khiếu nại về sau).

- Nhà trường phải sinh hoạt thật kỹ và thông báo để học sinh biết:
- + Không được thay đổi nguyện vọng sau khi trúng tuyển.
- + Học sinh phải theo học tại một trường lựa chọn theo nguyện vọng 2 hoặc nguyện vọng 3 trong suốt cấp trung học phổ thông (việc xin chuyển trường đối với các trường hợp này phải có ý kiến của Sở GD&ĐT).

### 1.7. Tổ chức thi

#### a) Đăng ký tuyển sinh

Mỗi thí sinh có **số nguyện vọng vào trường THPT công lập theo quy định tại Phụ lục II**, chỉ nộp đơn dự tuyển sinh lớp 10 vào 01 trường công lập theo nguyện vọng 1.

#### b) Môn thi, hình thức thi, chương trình thi

- Môn thi: Toán, Ngữ văn và tiếng Anh.
- Đối với môn Toán và Ngữ văn thời gian làm bài là 120 phút/môn, môn tiếng Anh thời gian làm bài là 60 phút.
- Đề thi các môn thi tuyển theo hình thức tự luận (*cấu trúc theo Phụ lục VIII*).
- Chương trình thi: là chương trình toàn cấp THCS, chủ yếu là chương trình lớp 9 do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

#### c) Điểm tuyển sinh

- **Điểm bài thi theo thang điểm 10, điểm lẻ đến 0,25;** môn Toán và Ngữ văn hệ số 2, môn Tiếng Anh hệ số 1.
- **Điểm cộng thêm cho chế độ ưu tiên (Điểm ưu tiên):** thực hiện theo quy định tuyển sinh của Sở GD&ĐT.
- **Điểm tuyển sinh:** bằng tổng điểm các bài thi có hệ số (trong đó không có bài thi nào điểm 0) và điểm ưu tiên.
- **Cách tuyển sinh:** ở cùng một trường, điểm nguyện vọng 2 cao hơn điểm nguyện vọng 1 là 2 điểm; điểm nguyện vọng 3 cao hơn điểm nguyện vọng 2 là 1 điểm (cao hơn điểm nguyện vọng 1 là 3 điểm). Các trường trong một cụm thực hiện tính điểm chuẩn tuyển sinh theo từng nguyện vọng của từng trường như sau:

#### + Tính điểm chuẩn hệ THPT

**Bước 1:** căn cứ vào nguyện vọng 1, căn cứ vào điểm tuyển sinh từ cao đến thấp và **chỉ tiêu tuyển sinh hệ THPT** của từng trường (**không tính chỉ tiêu của giáo dục thường xuyên trong nhà trường**), xác định các điểm tuyển nguyện vọng 1 của từng trường theo thứ tự trường cao thứ nhất, cao thứ hai, cao thứ ba.

**Bước 2:** Trường có điểm tuyển nguyện vọng 1 cao thứ nhất trong cụm lấy điểm này làm điểm chuẩn tuyển sinh hệ THPT của trường mình.

**Bước 3:** Trường có điểm tuyển nguyện vọng 1 cao thứ 2 trong cụm, tính điểm chuẩn nguyện vọng 1 và nguyện vọng 2 hệ THPT của trường mình đảm bảo, điểm chuẩn nguyện vọng 1 thấp hơn điểm chuẩn nguyện vọng 2 là 2 điểm.

**Bước 4:** Trường có điểm tuyển nguyện vọng 1 cao thứ 3 trong cụm, tính điểm chuẩn nguyện vọng 1, nguyện vọng 2 của hệ THPT của trường mình đảm bảo, điểm chuẩn nguyện vọng 1 thấp hơn điểm chuẩn nguyện vọng 2 là 2 điểm và thấp hơn điểm chuẩn nguyện vọng 3 là 3 điểm.

#### + Tính điểm chuẩn hệ GDTX

**Bước 1:** căn cứ vào nguyện vọng 1, căn cứ vào điểm tuyển sinh từ cao đến thấp và **chỉ tiêu tuyển sinh hệ giáo dục thường xuyên** của từng trường, xác định các điểm tuyển nguyện vọng 1 của từng trường theo thứ tự trường cao thứ nhất, cao thứ hai, cao thứ ba.

**Bước 2:** Trường có điểm tuyển nguyện vọng 1 cao thứ nhất trong cụm lấy điểm này làm điểm chuẩn tuyển sinh hệ GDTX của trường mình.

**Bước 3:** Trường có điểm tuyển nguyện vọng 1 cao thứ 2 trong cụm, tính điểm chuẩn nguyện vọng 1 và nguyện vọng 2 hệ GDTX của trường mình đảm bảo, điểm chuẩn nguyện vọng 1 thấp hơn điểm chuẩn nguyện vọng 2 là 2 điểm.

**Bước 4:** Trường có điểm tuyển nguyện vọng 1 cao thứ 3 trong cụm, tính điểm chuẩn nguyện vọng 1, nguyện vọng 2 của hệ GDTX của trường mình đảm bảo, điểm chuẩn nguyện vọng 1 thấp hơn điểm chuẩn nguyện vọng 2 là 2 điểm và thấp hơn điểm chuẩn nguyện vọng 3 là 3 điểm.

+ Danh sách thí sinh còn lại chuyển cho trung tâm GDTX&KTTH, trường tư thục, trường nghề trên địa bàn để thực hiện công tác tuyển sinh.

#### d) Ngày thi, lịch thi

- Ngày thi: **07, 08/6/2023.**

- Lịch thi và thời gian làm bài:

Ngày	Buổi	Môn thi	Thời gian làm bài	Giờ phát đề thi	Giờ bắt đầu làm bài
<b>07/6/2023</b>	Sáng	<b>Ngữ văn</b>	120 phút	7 giờ 25	7 giờ 30
	Chiều	<b>Tiếng Anh</b>	60 phút	13 giờ 55	14 giờ 00
<b>08/6/2023</b>	Sáng	<b>Toán</b>	120 phút	7 giờ 25	7 giờ 30
	Chiều	Các môn chuyên			

***Chú ý:*** Thí sinh thi tuyển sinh lớp 10 vào Trường THPT chuyên Long An, buổi chiều ngày 08/6/2023 tiếp tục thi môn chuyên.

## 2. Tuyển sinh vào lớp 10 trường THPT tư thục

Thực hiện theo chỉ tiêu phân bổ của Sở GD&ĐT, cách xét tuyển theo đúng quy định.

### 3. Công tác ra đề thi

Điều động nhân sự làm công tác ra đề thi: các phòng GD&ĐT, trường THPT lập danh sách đề nghị **02 giáo viên/một môn thi** theo *Phụ lục X*; gửi về Sở GD&ĐT (phòng KT&QLCLGD), **trước vào ngày 15/5/2023 (Chú ý chọn những thành viên ra đề thi khi Sở GD&ĐT điều động phải đảm bảo thành viên đó có thể được cách ly tại Sở).**

### 4. Chế độ báo cáo

- Các số liệu trong báo cáo là số liệu chính thức để in sao đề thi; hội đồng thi gửi số liệu về Sở GD&ĐT (qua phòng KT&QLCLGD) bằng văn bản:

- + Phụ lục III chậm nhất ngày **24/5/2023**;
- + Phụ lục IV chậm nhất ngày **26/5/2023**;
- + Phụ lục V chậm nhất ngày **31/5/2023**;
- + Phụ lục VII chậm nhất ngày **12/7/2023**.

Các đơn vị nêu trên phải thực hiện chế độ báo cáo nghiêm túc, kịp thời, đúng biểu mẫu quy định; phải cập nhật đầy đủ số liệu của Kỳ thi và kiểm tra để đảm bảo chính xác trước khi báo cáo Sở GD&ĐT.

- Địa chỉ nhận báo cáo

+ Gửi e-mail: [phongktd.solongan@moet.edu.vn](mailto:phongktd.solongan@moet.edu.vn); fax: 0272.3832144, điện thoại: 0272.3831105.

+ Gửi văn bản: Sở GD&ĐT (Phòng KT&QLCLGD), số 411 Quốc lộ 1, khu phố Bình Quân 1, phường 4, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Sở GD&ĐT yêu cầu các phòng GD&ĐT, các trường phổ thông trực thuộc Sở thực hiện nghiêm túc công tác tuyển sinh, trong quá trình thực hiện có khó khăn vướng mắc báo cáo về Phòng KT&QLCLGD - Sở GD&ĐT để kịp thời giải quyết. Văn bản này được công khai trên trang website: <https://sgddt.longan.gov.vn/>.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- GD, các PGD Sở;
- UBND các huyện/TX/TP (để phối hợp chỉ đạo);
- Các Phòng Sở, Thanh tra Sở;
- Lưu: VT, KTQLCL.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Hồng Phúc**



## Phụ lục I

### KẾ HOẠCH THỜI GIAN TUYỂN SINH 10 THPT NĂM HỌC 2023-2024

(Kèm theo Công văn số: /SGDDĐT-KTQLCL ngày tháng năm 2023)

Thời gian thực hiện	Nội dung thực hiện	Đơn vị thực hiện
Trước ngày 21/5/2023	Hiệu trưởng trường có cấp THCS thu đơn, lập danh sách, hồ sơ đăng ký dự thi tuyển 10 công lập chuyển về từng trường THPT và báo cáo số liệu cho phòng GD&ĐT (đơn dự tuyển sinh 10 và danh sách chuyển trước cho trường THPT để nhập dữ liệu).	Hiệu trưởng trường có cấp THCS, phòng GD&ĐT
Trước 23/5/2023	Các trường lập phương án tuyển sinh vào lớp 10	Các trường PT trực thuộc
Trước 24/5/2023	Các Hội đồng thi hoàn tất các quyết định coi thi, chấm thi ...	Các Hội đồng thi
Theo tiến độ công việc	Họp Chủ tịch, Phó CT Hội đồng thi, Trưởng điểm, Phó trưởng điểm thi tại Sở GD&ĐT (có Giấy mời sau).	Sở GD&ĐT
Hoàn thành trước 27/5/2023	Các trường có học sinh dự thi tuyển sinh vào lớp 10 đến trường THPT liên quan để nhận phiếu dự thi về phát cho học sinh.	Trường có cấp THCS và có cấp THPT
05/6/2023	Họp lãnh đạo hội đồng thi.	Các Hội đồng thi
06/6/2023	Họp toàn thể hội đồng coi thi, Sở GD&ĐT giao đề thi cho từng điểm thi. Sinh hoạt quy chế thi cho cán bộ coi thi và học sinh	Sở GD&ĐT, Các Hội đồng thi
07-08/6/2023	Tổ chức thi theo lịch thi của Sở	Các Hội đồng thi
08 giờ 09/6/2023	Họp triển khai hướng dẫn chấm tại THPT Lê Quý Đôn.	Sở GD&ĐT
09/6 – 14/6/2023	Các Ban chấm thi tuyển vào lớp 10 làm việc.	Ban chấm thi
16/6/2023	Công bố kết quả tuyển sinh 10.	Các Hội đồng thi
16-18/6/2023	Nhận đơn phúc khảo	Các Hội đồng thi
19-21/6/2023	Ban chấm phúc khảo làm việc.	Các Hội đồng thi
7/2023	Sở duyệt danh sách trúng tuyển tất cả các đơn vị.	Sở GD&ĐT

**Phụ lục II**  
**DANH SÁCH CỤM TRƯỜNG TRONG KỶ THI TUYỂN SINH 10**  
**NĂM HỌC 2023-2024**

(Kèm theo Công văn số: /SGDDT-KTQLCL ngày tháng năm 2022)

TT	Tên trường	Cụm trường	Số nguyện vọng	Cụm trường
1.	THPT Tân Hưng	Tân Hưng	2	THPT Tân Hưng
2.	THCS&THPT Hưng Điền B			
3.	THPT Vĩnh Hưng	Vĩnh Hưng	2	THPT Vĩnh Hưng
4.	THCS&THPT Khánh Hưng			
5.	THPT Kiến Tường	Kiến Tường	2	THPT Kiến Tường
6.	THPT Thiên Hộ Dương			
7.	THCS&THPT Bình Phong Thạnh	Mộc Hóa	1	THCS&THPT Bình Phong Thạnh
8.	THPT Tân Thạnh	Tân Thạnh	2	THPT Tân Thạnh
9.	THCS&THPT Hậu Thạnh Đông			
10.	THPT Thạnh Hóa	Thạnh Hóa	1	THPT Thạnh Hóa
11.	THPT Tân An	Tân An	3	THPT Tân An
12.	THPT Lê Quý Đôn			
13.	THPT Hùng Vương			
14.	THPT Nguyễn Thông	Châu Thành	2	THPT Nguyễn Thông
15.	THPT Phan Văn Đạt			
16.	THPT Tân Trụ	Tân Trụ	2	THPT Tân Trụ
17.	THPT Nguyễn Trung Trực			
18.	THPT Thủ Thừa	Thủ Thừa	2	THPT Thủ Thừa
19.	THPT Mỹ Lạc			
20.	THPT Gò Đen	Bến Lức	3	THPT Nguyễn Hữu Thọ
21.	THCS&THPT Lương Hòa			
22.	THPT Nguyễn Hữu Thọ			
23.	THPT Nguyễn Trung Trực	Đức Hòa	3	THPT Hậu Nghĩa
24.	THPT Đức Hòa			
25.	THPT Võ Văn Tần			
26.	THPT Hậu Nghĩa			
27.	THPT An Ninh	Đức Huệ	3	THPT Đức Huệ
28.	THPT Đức Huệ			
29.	THCS&THPT Mỹ Quý			
30.	THCS&THPT Mỹ Bình	Cần Giuộc	3	THPT Cần Giuộc
31.	THPT Cần Giuộc			
32.	THPT Nguyễn Đình Chiểu			
33.	THPT Đông Thạnh			
34.	THCS&THPT Nguyễn Thị Một	Cần Đước	3	THPT Cần Đước
35.	THPT Rạch Kiến			
36.	THCS&THPT Long Cang			
37.	THPT Cần Đước			
38.	THPT Chu Văn An			
39.	THPT Long Hựu Đông			

**Phụ lục III**

(Kèm theo Công văn số: /SGDDĐT-KTQLCL ngày tháng năm 2023)

HỘI ĐỒNG THI TS 10

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /

....., ngày tháng năm 2023

**BÁO CÁO SỐ LƯỢNG THI TUYỂN 10 NĂM HỌC 2023-2024**

**HĐ Thi Huyện/TX/TP:** .....

TT	Tên các điểm thi	Số thí sinh				Số phòng thi	Số thành viên		
		Tổng số, trong đó;					Gồm các học sinh thuộc các trường THCS	Ban lãnh đạo Điểm thi	Cán bộ coi thi
		Chuyên	Chất lượng cao	NV 1	Tổng				
1									
2									
3									
...									
<b>Tổng cộng</b>									

....., ngày ...tháng....năm 2023

**Trưởng cụm thi**

**Phụ lục IV**

(Kèm theo Công văn số: /SGDDĐT-KTQLCL ngày tháng năm 2023)

Kỳ thi tuyển sinh 10 Trường THPT Tân An

Khoá ngày: 16/7/2023

**BÁO CÁO THỐNG KÊ THÍ SINH DỰ THI**

Tên Hội đồng coi thi	Tổng số	Nữ	Tự do	Số phòng thi	Ghi chú
THPT Tân An	553	320	0	23	
THPT Lê Quý Đôn					
THPT Hùng Vương					
THCS Nhựt Tảo	402	222	0	17	

....

**Ghi chú:; in từ phần mềm, scan gửi hoặc xuất thành file pdf không nộp file SmartORP**

**Phụ lục V**  
(Kèm theo Công văn số: /SGDDĐT-KTQLCL ngày tháng năm 2023)

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH  
VÀO LỚP 10 TRƯỜNG .....**

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ và đơn vị</b>	<b>Nhiệm vụ</b>
1			Chủ tịch
2			Phó chủ tịch chuyên môn
3			Phó chủ tịch cơ sở vật chất
4			Thư ký
			Thành viên

Tổng cộng danh sách có ..... thành viên trong hội đồng./.

**HIỆU TRƯỞNG**

***Ghi chú: Mỗi trường THPT, THCS&THPT lập 01 bản riêng; file Word, bảng mã Unicode, font Times New Roman.***

**Phụ lục VI**  
(Kèm theo Công văn số: /SGDDT-KTQLCL ngày tháng năm 2023)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ PHÚC KHẢO**  
**BÀI THI TUYỂN SINH 10 NĂM HỌC 2023-2024**

**Kính gửi:** Hội đồng thi tuyển sinh 10 huyện/TX/TP .....

Họ và tên thí sinh: ....., Giới tính: .....

Ngày sinh: ..... Nơi sinh: .....

Học sinh trường: .....

Đã dự thi tuyển sinh 10 năm học 2023-2024 tại Hội đồng thi .....

Địa điểm thi: Trường ..... Số báo danh: .....

Xin phúc khảo về:

**1. Điểm thi:**

<b>Môn đề nghị phúc khảo</b>		
<b>Ngữ Văn</b> <input type="checkbox"/>	<b>Toán</b> <input type="checkbox"/>	<b>Tiếng Anh</b> <input type="checkbox"/>
Điểm thi	Điểm thi	Điểm thi

(Ghi chú: Thí sinh phải đánh dấu X vào ô vuông  môn xin chấm phúc khảo.)

**2. Nội dung khác:** .....

.....  
.....

....., ngày ..... tháng năm 2023

Người làm đơn

(Ký tên và ghi rõ Họ và tên)

**Ghi chú:** Thí sinh phúc khảo bài thi nộp đơn phúc khảo cho trường phổ thông mà học sinh đăng ký dự thi nguyện vọng 1

**Phụ lục VII**

(Kèm theo Công văn số: /SGDDT-KTQLCL ngày tháng năm 2023)

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG .....**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**IN TRÊN KHỔ GIẤY A3**

....., ngày ... tháng ... năm 2023

**DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 TRƯỜNG .....**  
**HỆ: (Ghi 1 trong 2 hệ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG hay GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN)**

Stt	Tên Điểm thi	Phòng thi	Sbd	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Học sinh trường	Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Điểm UT/KK	Tổng điểm	Ghi chú
1	...	...	...	...	...	Long An	Nam	...						NV1
2	...	...	...	...	...	TP Hồ Chí Minh	Nữ	...						NV1
...														.....
XX														NV2
XX														.....

Tổng cộng danh sách này có ... học sinh trúng tuyển, danh sách gồm có ... trang./.

**Ghi chú:**

- Tại cột nơi sinh chỉ ghi tên tỉnh/Thành phố;
- Tại cột Giới tính chỉ ghi Nam hoặc Nữ không ghi 0 hoặc 1;
- Tại cột Tổng điểm: sắp xếp giảm dần, hết nguyện vọng 1 rồi đến nguyện vọng 2;
- Ở cuối mỗi trang có đánh số trang/tổng số trang VD: DS có 10 trang thì 1/10, 2/10 ... 10/10 và đóng dấu giáp lai.
- Ở trang cuối cùng có xác nhận những người kiểm tra, và trình lãnh đạo Sở ký theo mẫu sau:

**XÁC NHẬN DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN  
CỦA HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH**

**DUYỆT CỦA SỞ GD&ĐT**

NGƯỜI ĐỌC VÀ SOÁT BẢN IN  
....., ngày ... tháng ... năm 2023  
..... Ký tên .....  
..... Ký tên .....

....., ngày ... tháng ... năm 2023  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH  
(Ký tên và đóng dấu)

CÁN BỘ XÉT DUYỆT Long An, ngày...tháng...năm 2023  
DUYỆT CỦA LÃNH ĐẠO SỞ

## Phụ lục VIII

(Kèm theo Công văn số: /SGDDĐT-KTQLCL ngày tháng năm 2023)

### CẤU TRÚC ĐỀ THI TUYỂN SINH LỚP 10 NĂM HỌC 2023 – 2024

#### HỆ PHỔ THÔNG

**1. Môn Toán:** Gồm 6 câu theo thang điểm 10. Thời gian 120 phút.

**Câu 1. (2 điểm)**

- Tính, rút gọn biểu thức chứa căn bậc hai số học.
- Rút gọn, chứng minh đẳng thức có chứa căn thức bậc hai.
- Giải phương trình chứa căn thức (một dấu căn).

**Câu 2. (1,5 điểm)**

- Giải hệ hai phương trình bậc nhất 2 ẩn, phương trình bậc hai một ẩn.
- Giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình, phương trình.
- Hệ thức Vi-ét.
- Dạng toán về phương trình bậc hai có chứa tham số.

**Câu 3. (1,5 điểm)**

- Vẽ đồ thị hàm số  $y = ax + b$  ( $a \neq 0$ ) và  $y = ax^2$  ( $a \neq 0$ ).
- Tìm tọa độ giao điểm của hai đồ thị.

**Câu 4. (1,5 điểm)**

Vận dụng hệ thức về cạnh và đường cao. Tỉ số lượng giác của góc nhọn. Hệ thức cạnh và góc trong tam giác vuông để tính độ dài đoạn thẳng, tỉ số lượng giác của một góc, số đo góc.

**Câu 5. (2,5 điểm)**

Bài toán tổng hợp về đường tròn: tứ giác nội tiếp, đường thẳng là tiếp tuyến của đường tròn, đoạn thẳng bằng nhau, góc bằng nhau, đẳng thức hình học...

**Câu 6. (1,0 điểm)**

Tìm giá trị nhỏ nhất hoặc giá trị lớn nhất.

**2. Môn Ngữ văn: Gồm 02 phần, thang điểm 10, thời gian 120 phút.**

**Phần I. Đọc – hiểu: 5.0 điểm**

Kiến thức Tiếng Việt và văn bản đã học ở chương trình Ngữ văn lớp 9.

- Phần văn bản: Văn học hiện đại, trung đại.
- Phần Tiếng Việt: Trọng tâm kiến thức Tiếng Việt lớp 9.

**Phần II. Làm văn: 5.0 điểm**

- Nghị luận về tác phẩm hoặc đoạn trích
- Nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.

\* **Chú ý:** không ra đề văn bản đọc thêm, văn bản nhật dụng, văn bản nước ngoài và chương trình địa phương.

**3. Môn Tiếng Anh: gồm 30 câu, thời gian 60 phút.**

**PART 1. READING COMPREHENSION. (3,5 POINTS) (10 Câu)**

**1. Cloze text. (1,5)**

Phần này gồm 6 câu (hoặc 1 đoạn văn ngắn có 6 chỗ trống với 7 hoặc 8 từ cho sẵn. Học sinh sẽ dùng các từ cho sẵn để điền vào các chỗ trống.

**2. Read the passage and write full answer. (2,0)**

Phần này gồm có 4 câu: gồm các dạng câu hỏi:

Câu 1. Complete the answer (write no more than 3 words)



Câu 2. Complete the answer (write no more than 3 words)

Câu 3. Write full answer

Câu 4. Write full answer

**Lưu ý:** Các câu hỏi cloze text, bài đọc hiểu có thể không nằm trong SGK nhưng vẫn thuộc các chủ đề, chủ điểm mà học sinh đã học trong chương trình lớp 9 hệ 7 năm.

**PART 2. USE OF ENGLISH. (3,5 POINTS) (14 Câu)**

**1. Put the verbs in the correct form or tense (1,5)**

Phần này gồm có 6 câu, kiểm tra các điểm ngữ pháp sau:

- Simple present tense
- Simple past tense
- Simple future tense ( will )
- Present perfect tense
- Modal verbs
- Gerund, infinitives

**2. Complete each sentence with one suitable preposition or connective given in the box (1,25)**

Phần này gồm có 5 câu, kiểm tra các điểm ngữ pháp sau:

- Prepositions of time
- Prepositions after adjectives
- Prepositions after verbs
- Connectives

**3. Use the correct form of the word given in each sentence (0,75)**

Phần này gồm 3 câu, học sinh dùng từ cho sẵn để viết đúng từ loại vào chỗ trống.

**PART 3. WRITING. (3 POINTS) (6 Câu)**

**1. Rewrite the following sentences as directed (2,0)**

Phần này gồm có 4 câu, kiểm tra các điểm ngữ pháp sau:

- Wish
- Passive voice ( 4 above tenses)
- Conditional sentences type 1,2
- Relative clause
- Suggestions

**2. Make meaningful sentences from the words or phrases given. (1,0)**

Phần này gồm có 2 câu. Học sinh sử dụng các gợi ý cho sẵn để viết thành câu có nghĩa. (Học sinh có thể phải chia động từ, sử dụng thêm giới từ, mạo từ....)

---HẾT---

## NỘI DUNG VÀ CẤU TRÚC ĐỀ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN LONG AN NĂM HỌC 2023-2024

### MÔN TOÁN - LỚP CHUYÊN TOÁN

#### **I. NỘI DUNG ÔN TẬP**

**1. Đại số:** Gồm chương trình toán đại số THCS chủ yếu trọng tâm là đại số lớp 9

- Đơn giản biểu thức chứa căn.

- Hàm số bậc nhất, bậc hai một ẩn.

- Phương trình bậc hai, hệ thức Viète và ứng dụng; phương trình quy về bậc hai; giải bài toán bằng cách lập phương trình, hệ phương trình.

- Giải phương trình, hệ phương trình.

**2. Hình học:** Gồm chương trình hình học THCS chủ yếu trọng tâm là hình học lớp 9

- Hệ thức lượng trong tam giác vuông.

- Đường tròn.

- Góc với đường tròn.

- Hình trụ - hình nón- hình cầu.

**3. Nâng cao**

3.1. Số học

- Chia hết, phép chia có dư, tìm các chữ số tận cùng.

- Số nguyên tố.

- Phương trình nghiệm nguyên.

3.2. Bất đẳng thức – Tìm giá trị lớn nhất, nhỏ nhất của biểu thức:

- Phép biến đổi tương đương.

- Bất đẳng thức trung bình cộng - trung bình nhân (bất đẳng thức Cauchy).

- Các bài toán tìm giá trị lớn nhất, nhỏ nhất của biểu thức.

3.3. Các bài toán suy luận logic: dùng nguyên lí phản chứng, Dirichlet, cực hạn (khởi đầu cực trị), bất biến,...

3.4. Hình học: các bài toán hình học nâng cao: quỹ tích, chứng minh 3 điểm thẳng hàng, 3 đường thẳng đồng quy, tìm điểm, chứng minh đẳng thức hình học, bất đẳng thức...

#### **II. CẤU TRÚC ĐỀ**

***Đề thi gồm 7 câu, thời gian 150 phút.***

- Đơn giản biểu thức và các vấn đề liên quan. (1,5 điểm)

- Hàm số bậc nhất, bậc hai. Phương trình bậc hai, hệ thức Viète, ứng dụng; phương trình quy về bậc hai; giải bài toán bằng cách lập phương trình, hệ phương trình. (2,0 điểm)

- Giải hệ phương trình, phương trình. (1,0 điểm)

- Đường tròn. Góc với đường tròn. (2,5 điểm)

- Số học. Các bài toán suy luận logic. (1,0 điểm)

- Bất đẳng thức – Tìm giá trị lớn nhất, nhỏ nhất của biểu thức. (1,0 điểm)

- Hình học nâng cao. (1,0 điểm)

## **MÔN VẬT LÝ - LỚP CHUYÊN VẬT LÝ**

### **I. NỘI DUNG ÔN TẬP**

#### **1. Cơ học**

- Chuyển động cơ học. Vận tốc. Chuyển động đều, chuyển động không đều.
- Biểu diễn lực. Sự cân bằng lực, quán tính. Lực ma sát.
- Áp suất. Áp suất chất lỏng, bình thông nhau. Áp suất khí quyển.
- Lực đẩy Archimede. Sự nổi.
- Công cơ học. Định luật về công. Công suất. Cơ năng.

#### **2. Nhiệt học**

- Công thức tính nhiệt lượng. Phương trình cân bằng nhiệt.
- Năng suất tỏa nhiệt của nhiên liệu.
- Động cơ nhiệt.

#### **3. Điện học – Từ học**

- Điện trở của dây dẫn hình trụ đồng chất, tiết diện đều. Định luật Ôm
- Đoạn mạch nối tiếp, song song, hỗn tạp và mạch cầu điện trở
- Công và công suất của dòng điện. Định luật Jun-len-xơ.
- Truyền tải điện năng. Máy biến thế.

#### **4. Quang hình học**

- Sự phản xạ và khúc xạ ánh sáng.
- Thấu kính. Ghép hai thấu kính đồng trục, ghép thấu kính với gương phẳng

#### **5. Phương án thực hành**

Cơ, nhiệt, điện và quang.

### **II. CẤU TRÚC ĐỀ**

*Đề thi gồm 7 câu, thời gian làm bài 120 phút*

- Câu 1 (1,0 điểm): Cơ học.
- Câu 2 (2,0 điểm): Cơ học.
- Câu 3 (1,0 điểm): Nhiệt học
- Câu 4 (1,5 điểm): Điện-Từ học.
- Câu 5 (1,5 điểm): Quang hình học
- Câu 6 (2,0 điểm): Bài toán tổng hợp (chứa ít nhất 2 trong 4 phần kiến thức cơ, nhiệt, điện, quang).
- Câu 7 (1,0 điểm): Phương án thực hành.

## **MÔN HÓA HỌC - LỚP CHUYÊN HÓA HỌC**

### **I. NỘI DUNG ÔN TẬP**

#### **1. Hóa đại cương**

- Cấu tạo nguyên tử, bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học.
- Tính chất, phân loại: oxit, axit, bazơ, muối.
- Các oxit, axit, bazơ, muối quan trọng, Phân bón hoá học.
- Môi liên hệ giữa các hợp chất vô cơ.

#### **2. Hóa vô cơ**

- Tính chất của kim loại, dãy hoạt động hóa học của kim loại.
- Kim loại kiềm, kiềm thổ, nhôm, sắt và hợp kim nhôm, sắt.
- Sự ăn mòn kim loại và bảo vệ kim loại không bị ăn mòn.
- Tính chất hoá học của phi kim.

- Hidro, oxi.
- Clo, hợp chất của clo.
- Cacbon, hợp chất của cacbon.
- Silic, công nghiệp silicat.

### 3. Hóa hữu cơ

- Hidrocacbon - Nhiên liệu
- Công thức cấu tạo hợp chất hữu cơ.
- Dầu mỏ và khí thiên nhiên, nhiên liệu.
- Metan, etilen, axetilen, benzen.
- Rượu etylic, axit axetic.
- Mối liên hệ giữa etilen, rượu etylic và axit axetic.
- Chất béo.
- Glucozơ, saccarozơ, tinh bột và xenlulozơ.
- Protein.
- Polime.

## II. CẤU TRÚC ĐỀ

Đề thi nằm trong phạm vi chương trình trung học cơ sở hiện hành do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành (chủ yếu ở lớp 9); nội dung kiến thức bảo đảm theo yêu cầu chuẩn kiến thức, kỹ năng của môn Hóa cấp trung học cơ sở; với mức độ kiểm tra được kiến thức cơ bản, năng lực vận dụng kiến thức, sự hiểu biết về thực hành của người học; phân hoá được trình độ học sinh và phù hợp với thời gian quy định.

Độ khó phân bố trên các mức độ: Mức nhận biết, mức thông hiểu, vận dụng thấp, vận dụng cao.

Trong đề có ít nhất 2 điểm cho câu hỏi về thực hành Hóa học (cách pha trộn dung dịch, nhận biết, tách chất, tinh chế, điều chế, nêu hiện tượng – giải thích...).

Lưu ý các bài toán vận dụng cao: Cần chú ý các dạng bài toán liên quan đến bảo toàn nguyên tố, khối lượng, điện tích, mol electron, đồ thị...

**Đề thi gồm 5 câu, thời gian 120 phút.**

**Câu 1:** (2,0 điểm): Hóa đại cương

**Câu 2:** (2,0 điểm): Hóa vô cơ

**Câu 2.1:** Phi kim (1,0 điểm)

**Câu 2.2:** Kim loại (1,0 điểm)

**Câu 3:** (2,0 điểm): Hóa hữu cơ

**Câu 4:** Bài tập hóa vô cơ (2,0 điểm) Bài tập tổng hợp nội dung các kiến thức hoá vô cơ thuộc chương trình hóa học trung học cơ sở.

**Câu 5:** Bài tập hóa hữu cơ (2,0 điểm)

Bài tập tổng hợp nội dung các kiến thức hoá hữu cơ thuộc chương trình hóa học trung học cơ sở.

## MÔN SINH HỌC - LỚP CHUYÊN SINH HỌC

### I. NỘI DUNG ÔN TẬP

#### 1. Di truyền và biến dị

##### Chương I. Các thí nghiệm của Mendel

- Lai một cặp tính trạng.
- Lai hai cặp tính trạng.

- Lai phân tích.
- Bài tập.

## **Chương II. Nhiễm sắc thể**

- Xác định đặc điểm các kì trong nguyên phân, giảm phân.
- Phân biệt nguyên phân, giảm phân.
- Phát sinh giao tử và thụ tinh.
- Phân biệt NST thường và NST giới tính. Cơ chế NST xác định giới tính.
- Di truyền liên kết.
- Phân biệt giữa quy luật phân li độc lập với di truyền liên kết.
- Bài tập.

## **Chương III. ADN và gen**

- ADN: cấu tạo, quá trình nhân đôi của ADN, chức năng ADN.
- ARN: cấu tạo, cơ chế tổng hợp ARN.
- Mối quan hệ giữa ARN và protein.
- Bài tập.

## **Chương IV. Biến dị**

- Đột biến gen, đột biến nhiễm sắc thể.
- Khái niệm thường biến, mức phản ứng. Mối quan hệ giữa kiểu gen, môi trường và kiểu hình.
- Phân biệt thường biến với đột biến.
- Bài tập.

## **Chương V. Di truyền học người**

- Bài tập về sơ đồ phả hệ.
- Xác định loại đột biến gây ra các bệnh, tật di truyền ở người.

## **Chương VI. Ứng dụng di truyền học**

- Công nghệ tế bào.
- Công nghệ gen.
- Thoái hóa do tự thụ phấn và giao phối gần.
- Ưu thế lai.
- Bài tập.

## **2. Sinh thái học**

- **Chương I:** Sinh vật và môi trường.
- **Chương II:** Hệ sinh thái.

Lưu ý: Thực hiện phần giảm tải theo Công văn số 3208/BGDĐT-GDTrH ngày 27 tháng 8 năm 2020 của Bộ GD&ĐT.

## **II. CẤU TRÚC ĐỀ:**

**Đề thi gồm 5 câu, thời gian làm bài 120 phút**

- **Câu 1:** Các quy luật di truyền (2,0 điểm)
- **Câu 2:** Di truyền cấp độ phân tử và tế bào (2,0 điểm)
- **Câu 3:** Biến dị (2,0 điểm)
- **Câu 4:** Di truyền học ở người và ứng dụng di truyền học (2,0 điểm)
- **Câu 5:** Sinh thái (2,0 điểm).

## **MÔN NGỮ VĂN - LỚP CHUYÊN NGỮ VĂN**

**I. Hình thức:** Tự luận.

**II. Thời gian làm bài:** 150 phút, không kể thời gian giao đề.

**III. Nội dung:** Chương trình Ngữ văn 9 (trừ các nội dung giảm tải, đọc thêm, tự học, văn học nước ngoài, chương trình địa phương)

**PHẦN I:** (4,0 điểm) Viết bài làm văn nghị luận xã hội.

**PHẦN II:** (6,0 điểm) Viết bài làm văn nghị luận văn học.

## **MÔN TIẾNG ANH- LỚP CHUYÊN TIẾNG ANH**

### **I. NỘI DUNG ÔN TẬP**

- Trình độ nội dung đề thi môn Tiếng Anh là trình độ ngoại ngữ Anh trung cấp (English as a foreign language at intermediate level), bao gồm lượng từ vựng và các cấu trúc trong chương trình học thuộc trình độ này.

- Các điểm ngữ pháp bao gồm:

- + Articles
- + Verb forms/ tenses
- + Relative clauses and their reduced forms
- + Adverbial clauses
- + Noun clauses
- + Comparisons
- + Conditional sentences
- + Reported speech
- + Passive voice
- + Subjunctives
- + Gerund - Infinitive
- + Participle phrases
- + Inversions
- + Modal verbs
- + Phrasal verbs
- + Prepositions

### **II. CẤU TRÚC (Thời gian làm bài: 120 phút – Thang điểm: 10 điểm)**

No	Type of questions	Marking scheme (10 marks)
<b>Part I</b>	<b><u>LISTENING:</u></b> ( <i>Độ khó của câu hỏi tương đương trình độ B1</i> )	<b>(2.0 marks)</b>
	1. Dạng Multiple Choice (05 câu hỏi)	1.0
	2. Dạng Gap-filling (05 câu hỏi)	1.0
<b>Part II</b>	<b><u>USE OF ENGLISH:</u></b>	<b>(5.0 marks)</b>
	1. Chọn 1 trong 4 từ hoặc ngữ được cho sẵn để điền vào chỗ trống trong câu cho hợp lý (dạng multiple choice question). (10 câu).	1.0
	2. Đọc một bài văn và chọn 1 trong 4 từ hoặc ngữ được cho sẵn để điền vào chỗ trống trong bài văn cho	1.0

	<p>hợp lý (dạng cloze test). (10 chỗ trống).</p> <p>3. Đọc một bài văn và điền một từ vào chỗ trống trong bài văn cho hợp lý (dạng open cloze test). (10 chỗ trống).</p> <p>4. Biến đổi loại từ của một từ được cho sẵn để điền vào chỗ trống trong mỗi câu cho hợp lý (dạng word formation). (10 câu).</p> <p>5. Viết lại một hoặc hai câu được cho sẵn thành một câu mới theo cấu trúc diễn đạt khác mà vẫn tương đối giữ được ý nghĩa của câu được cho (dạng sentence transformation) (10 câu – có key word và không có key word).</p>	<p>1.0</p> <p>1.0</p> <p>1.0</p>
<b>Part III</b>	<p><b><u>READING COMPREHENSION:</u></b></p> <p>1. Đọc một bài văn (khoảng 400 – 500 từ) và sau đó chọn 1 trong 4 phương án được cho sẵn để hoàn thành khẳng định phù hợp nội dung hoặc để trả lời câu hỏi về nội dung bài văn (dạng multiple choice question). (05 câu hỏi)</p> <p>2. Đọc một bài văn (khoảng 400 – 500 từ) và sau đó chọn 1 trong những tiêu đề / trích đoạn được trình bày biệt lập với bài văn để điền vào những chỗ trống trong bài văn cho hợp lý (dạng matching). (05 câu hỏi)</p>	<p><b>(2.0 marks)</b></p> <p>1.0</p> <p>1.0</p>
<b>Part IV</b>	<p><b><u>WRITING:</u></b></p> <p>Viết một đoạn văn (khoảng 120 – 150 từ) về chủ đề cho sẵn.</p>	<p><b>(1.0 mark)</b></p> <p>1.0</p>

## **MÔN TOÁN - LỚP CHUYÊN TIN HỌC**

### **I. NỘI DUNG ÔN TẬP**

**1. Đại số:** Gồm chương trình toán đại số THCS chủ yếu trọng tâm là đại số lớp 9

- Đơn giản biểu thức chứa căn, chứng minh.

- Hàm số bậc nhất, bậc hai một ẩn.

- Phương trình bậc hai, hệ thức Vi-et và ứng dụng; phương trình quy về bậc hai; giải bài toán bằng cách lập phương trình, hệ phương trình.

- Giải phương trình, hệ phương trình.

**2. Hình học:** Gồm chương trình hình học THCS chủ yếu trọng tâm là hình học lớp 9

- Hệ thức lượng trong tam giác vuông, tỷ số lượng giác.

- Đường tròn. Góc với đường tròn.

### **3. Nâng cao**

#### **3.1. Số học**

- Chia hết, phép chia có dư, tìm các chữ số tận cùng.

- Số nguyên tố.

- Phương trình nghiệm nguyên.

3.2. Các bài toán suy luận logic: dùng nguyên lí phản chứng, Dirichlet, cực hạn (khởi đầu cực trị), bất biến,...

## **2. CẤU TRÚC ĐỀ**

***Đề thi gồm 6 câu, thời gian làm bài 120 phút.***

- Căn thức bậc hai: rút gọn, chứng minh; giải phương trình. (1,5 điểm)
- Hàm số và đồ thị: vẽ đồ thị hàm số bậc nhất, hàm số bậc hai; tìm tọa độ giao điểm của 2 đồ thị; phương trình đường thẳng  $y = ax + b$  ( $a \neq 0$ ). (1,5 điểm)
- Hệ phương trình bậc nhất 02 ẩn và phương trình bậc hai 01 ẩn: giải hệ phương trình, phương trình; giải bài toán bằng cách lập phương trình, hệ phương trình; những bài toán về hệ thức Vi-et; dạng toán về phương trình bậc hai có chứa tham số. (1,5 điểm)
- Hình học: hệ thức lượng trong tam giác vuông; tỷ số lượng giác; bài toán tổng hợp về đường tròn: vị trí tương đối, tiếp tuyến, các góc trong đường tròn, tứ giác nội tiếp, các công thức về đường tròn và hình tròn. (3,5 điểm)
- Số học. (1,0 điểm)
- Các bài toán suy luận logic. (1,0 điểm)

-----**HẾT**-----





(Mặt sau)

## **HƯỚNG DẪN XÁC ĐỊNH ĐIỀU KIỆN TUYỂN THĂNG VÀ ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC CỘNG ĐIỂM ƯU TIÊN**

1. Tuyển thăng vào trung học phổ thông: Thực hiện theo khoản 1 Điều 7 Thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT và khoản 3 Điều 1 Thông tư 05/2018/TT-BGDĐT: a) Học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú; b) Học sinh là người dân tộc rất ít người; c) Học sinh khuyết tật; d) Học sinh đạt giải cấp quốc gia trở và quốc tế về văn hóa; văn nghệ; thể dục thể thao; cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp quốc gia dành cho học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông.
2. Đối tượng được cộng điểm ưu tiên. *(Trích khoản 2 Điều 7 Điều Thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT)*
  - a) Nhóm đối tượng 1: Con liệt sĩ; Con thương binh mất sức lao động 81% trở lên; Con bệnh binh mất sức lao động 81% trở lên; Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên”.
  - b) Nhóm đối tượng 2: (Con của Anh hùng lực lượng vũ trang, con của Anh hùng lao động, con của Bà mẹ Việt Nam anh hùng; - Con thương binh mất sức lao động dưới 81%; - Con bệnh binh mất sức lao động dưới 81%; - Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%”.
  - c) Nhóm đối tượng 3: Người có cha hoặc mẹ là người dân tộc thiểu số; Người dân tộc thiểu số; Người học đang sinh sống, học tập ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.
3. Mức điểm cộng thêm cho từng loại đối tượng theo thang điểm 10: (Trích điểm b, khoản 2, Điều 4 của Quyết định số 246/QĐ-SGDĐT ngày 13/4/2018 về việc Ban hành quy định tuyển sinh THCS và tuyển sinh THPT)
  - Nhóm đối tượng 1: cộng 2,0 điểm;
  - Nhóm đối tượng 2: cộng 1,5 điểm;
  - Nhóm đối tượng 3: cộng 1,0 điểm.

UBND ....(SỞ GD&ĐT ...)  
PGD&ĐT (TRƯỜNG THPT) .....

**Phụ lục X**  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Số: / ..... , ngày tháng năm 2023  
V/v đề cử CB, GV tham gia công tác đề thi  
Tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2023-2024

Kính gửi: Phòng KT&QLCLGD, Sở Giáo dục và Đào tạo Long An.

**DANH SÁCH ĐỀ CỬ CÁN BỘ, GIÁO VIÊN**  
**THAM GIA RA ĐỀ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10**  
**NĂM HỌC 2023 - 2024**

TT	Họ và tên	Chức vụ	Đơn vị	Môn	Số điện thoại di động
1				Toán	
2					
3				Ngữ văn	
4					
5				Tiếng Anh	
6					
7				Vật lí	
8					
9				Hoá học	
10					
11				Sinh học	
12					
13				Toán (Tin học)	
14					

**Lưu ý: Những giáo viên được Hiệu trưởng đề cử ra đề thi, khi được Sở GD&ĐT điều động phải đảm bảo thành viên đó có thể được cách ly tại Sở.**